

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness



HCMC, ngày 28 tháng 9 năm 2026.

HCMC, September 28, 2026.

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

To: - THE STATE SECURITIES COMMISSION;
- HANOI STOCK EXCHANGE.

- 1/ Họ và tên/Full name: **TRƯỜNG MINH SANG**
- 2/ Giới tính/Sex: Nam.
- 3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 05/01/1987.
- 4/ Nơi sinh/Place of birth: TP.HCM
- 5/ Số CCCD/ID card No.: 079087021996
Ngày cấp/Date of issue: 07/5/2025
Nơi cấp/Place of issue: Bộ Công an / Ministry of Public Security
- 6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam.
- 7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh.
- 8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: 65/3 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP.HCM / 65/3 Tan Ky Tan Quy, Tan Son Nhi Ward, Ho Chi Minh City.
- 9/ Số điện thoại/Telephone number: (028) 3844 8358
- 10/ Địa chỉ email/Email: sasco@sasco.com.vn
- 11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Organisation's name subject to information disclosure rules: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất / Southern Airports Services Joint Stock Company.
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Current position in an organization subject to information disclosure: Kế toán trưởng / Chief Accountant.

tr



- 13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies:*
- Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Thương mại Hàng không Miền Nam / *Head of the Supervisory Board of Southern Airport Transportation JSC (SATSCO).*
 - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn / *Member of the Supervisory Board of Saigon Cargo Service Corporation (SCSC).*
- 14/ Số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ, trong đó: /*Number of owning shares: 0, accounting for 0,00% of charter capital.*
- 15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any):* Không/No.
- 16/ Danh sách người có liên quan của người khai*/*List of affiliated persons of declarant:*

Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019. / *Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.*

Đính kèm văn bản này / *Attached is this document.*

- 17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):* Không / No.
- 18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Interest in conflict with public company, public fund (if any):* Không / No.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*



**NGƯỜI KHAI/
DECLARANT**

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)

Trương Minh Sang



DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN NGƯỜI ĐƯỢC BỔ NHIỆM /
LIST OF INTERNAL PERSONS AND RELATED PERSONS OF THE APPOINTED PERSON

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Công ty / Hàng không / Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relations hip with the company / internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Pass port/ Giấy ĐKKD) Type of documents(I D/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	SAS	Trương Minh Sang		Kế toán trưởng / Chief Accountant		CCCD	079087021996	07/5/2025	Bộ Công an / Ministry of Public Security	65/3 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP.HCM / 65/3 Tan Ky Tan Quy, Tan Son Nhi Ward, Ho Chi Minh City.	0	0%	01/10/2026		Bổ nhiệm/ Appoint ment	
1.01		Nguyễn Thị Việt			Mẹ ruột/ Mother		NCLQ không cung cấp thông tin / Related persons don't provide information			65/3 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP.HCM / 65/3 Tan Ky Tan Quy, Tan Son Nhi Ward, Ho Chi Minh City.	0	0%	01/10/2026			
1.02		Trần Tự Vinh			Bố vợ/ Father in law		NCLQ không cung cấp thông tin / Related persons don't provide information			182 Nguyễn Huệ, Xã Liên Hương, Lâm Đồng 182 Nguyen Hue Street, Lien Huong Commune, Lam Dong Province, Vietnam	0	0%	01/10/2026			
1.03		Huỳnh Thị Chiến			Mẹ vợ/ Mother in law		NCLQ không cung cấp thông tin / Related persons don't provide information			182 Nguyễn Huệ, Xã Liên Hương, Tỉnh Lâm Đồng 182 Nguyen Hue Street, Lien Huong Commune, Lam Dong Province, Vietnam	0	0%	01/10/2026			

7

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN NGƯỜI ĐƯỢC BỔ NHIỆM /
LIST OF INTERNAL PERSONS AND RELATED PERSONS OF THE APPOINTED PERSON

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relations hip with the company / internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Pass port/ Giấy ĐKKD) Type of documents(I D/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1.04		Trần Quỳnh Nhu			Vợ/ Wife		NCLQ không cung cấp thông tin / Related persons don't provide information			182 Nguyễn Huệ, Xã Liên Hương, Tỉnh Lâm Đồng 182 Nguyen Hue Street, Lien Huong Commune, Lam Dong Province, Vietnam	0	0%	01/10/2026			
1.05		Trương Gia Huy			Con/ Son					182 Nguyễn Huệ, Xã Liên Hương, Tỉnh Lâm Đồng 182 Nguyen Hue Street, Lien Huong Commune, Lam Dong Province, Vietnam	0	0%	01/10/2026			Sinh năm 2017 / Year of birth 2017
1.07		Trương Khánh Vy			Con/ Daughter					182 Nguyễn Huệ, Xã Liên Hương, Tỉnh Lâm Đồng 182 Nguyen Hue Street, Lien Huong Commune, Lam Dong Province, Vietnam	0	0%	01/10/2026			Sinh năm 2023 / Year of birth 2023
1.08		Trương Thị Ánh Nguyệt			Chị gái/ Sister		NCLQ không cung cấp thông tin / Related persons don't provide information			65/3 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP.HCM / 65/3 Tan Ky Tan Quy, Tan Son Nhi Ward, Ho Chi Minh City.	0	0%	01/10/2026			

n

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN NGƯỜI ĐƯỢC BỔ NHIỆM /
LIST OF INTERNAL PERSONS AND RELATED PERSONS OF THE APPOINTED PERSON

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relations hip with the company / internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Pass port/ Giấy ĐKKD) Type of documents(I D/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address/Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1.09		Nguyễn Giang Nhi			Anh rể / Brother in law		NCLQ không cung cấp thông tin / Related persons don't provide information			207C Nguyễn Xí, P.Bình Thạnh, Tp.HCM / 207C Nguyen Xi St., Bình Thạnh Ward, Ho Chi Minh City	0	0%	01/10/2026			
1.10		Trương Thanh Sáng			Em trai/ Brother		NCLQ không cung cấp thông tin / Related persons don't provide information			65/3 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Sơn Nhì, TP.HCM / 65/3 Tan Ky Tan Quy, Tan Son Nhi Ward, Ho Chi Minh City.	0	0%	01/10/2026			

W

